

Quy chế pháp lý của thương nhân trong kinh doanh du lịch tại Việt Nam : Luận văn ThS. Luật: 60 38 50 / Phùng Thị Thanh Hiền ; Nghd. : TS. Ngô Huy Cương

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang
<i>Trang bìa phụ</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ QUY CHẾ PHÁP LÝ CỦA THƯƠNG NHÂN TRONG KINH DOANH DU LỊCH	3
1.1. Các đặc điểm của kinh doanh du lịch và sự cần thiết xây dựng quy chế pháp lý của thương nhân trong kinh doanh du lịch	3
1.1.1. Khái niệm kinh doanh du lịch	3
1.1.2. Đặc điểm của kinh doanh du lịch	6
1.1.3. Sự cần thiết xây dựng quy chế pháp lý của thương nhân trong kinh doanh du lịch	7
1.2. Khái luận về thương nhân và quy chế pháp lý của thương nhân	10
1.2.1. Khái niệm và phân loại thương nhân	10

1.2.1.1. Khái niệm thương nhân	10
1.2.1.2. Phân loại thương nhân	21
1.2.2. Những nội dung căn bản của quy chế thương nhân	35
1.2.2.1. Điều kiện vào nghề	35
1.2.2.2. Điều kiện hành nghề	41
1.2.2.3. Điều kiện chấm dứt kinh doanh	45
1.3. Nội dung quy chế pháp lý của thương nhân trong kinh doanh du lịch	49
1.3.1. Khởi đầu kinh doanh du lịch	49
1.3.2. Điều kiện kinh doanh du lịch	57
1.3.2.1. Đối với kinh doanh lẻ hành	57
1.3.2.2. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh vận chuyển khách du lịch	61
1.3.2.3. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức cá nhân kinh doanh lưu trú du lịch	63
1.3.2.4. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức cá nhân kinh doanh phát triển khu du lịch, điểm du lịch	65
1.3.2.5. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức cá nhân kinh doanh dịch vụ trong khu du lịch, điểm du lịch	66
1.3.3. Điều kiện chấm dứt kinh doanh du lịch	68
1.3.3.1. Đối với các doanh nghiệp trong nước	68
1.3.3.2. Đối với các doanh nghiệp nước ngoài	71
Chương 2: THỰC TRẠNG QUY CHẾ PHÁP LÝ CỦA THƯƠNG NHÂN TRONG KINH DOANH DU LỊCH Ở VIỆT NAM	74
2.1. Nguồn pháp luật điều tiết kinh doanh du lịch	74
2.2. Thực trạng các quy định pháp luật về vào nghề kinh doanh du lịch	78
2.3. Thực trạng các quy định pháp luật về kinh doanh du lịch	83
2.4. Thực trạng các quy định pháp luật về chấm dứt kinh	87

	doanh du lịch	
2.5.	Nguyên nhân những khiếm khuyết của quy chế pháp lý đối với thương nhân trong kinh doanh du lịch tại Việt Nam	89
	Chương 3: MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY CHẾ PHÁP LÝ CỦA THƯƠNG NHÂN TRONG KINH DOANH DU LỊCH TẠI VIỆT NAM	97
3.1.	Cơ sở để hình thành các định hướng	97
3.2.	Một số định hướng hoàn thiện quy chế pháp lý của thương nhân trong kinh doanh du lịch	100
	KẾT LUẬN	109
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	111

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đang nỗ lực vươn lên trong tất cả mọi lĩnh vực. Là một đất nước có tiềm lực phát triển kinh tế, có nguồn tài nguyên dồi dào, với chính sách mở cửa thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài để phát triển kinh tế bền vững, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX xác định: Đưa ngành du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước.

Vì vậy hoàn thiện và xây dựng pháp luật kinh doanh du lịch là một nhu cầu bức thiết. Trong việc xây dựng và hoàn thiện đó, qui chế pháp lý cho thương nhân trong kinh doanh du lịch là một trọng tâm góp phần củng cố, phát triển thị trường du lịch, mở rộng giao lưu thương mại với nước ngoài. Các qui định pháp luật về thương nhân là điều kiện để thương nhân tiến hành các hoạt động thương mại của mình phù hợp với sự phát triển chung của nền kinh tế.

Qui chế pháp lý của thương nhân trong kinh doanh du lịch đã được các nhà luật học nghiên cứu ở nhiều khía cạnh khác nhau, bởi lẽ kinh doanh du lịch chỉ có thể phát triển khi có một môi trường pháp lý thuận tiện cho các thương nhân kinh doanh trong lĩnh vực du lịch. Hiện nay, mặc dù Luật Du lịch đã được ban hành, song vẫn chưa đáp ứng được các yêu cầu của thực tiễn phát triển trong lĩnh vực này. Hàng loạt các văn bản dưới luật và thực tiễn thi hành luật cần phải xem xét. Vì vậy tôi lựa chọn đề tài "**Quy chế pháp lý của thương nhân trong kinh doanh du lịch tại Việt Nam**" làm đề tài cho luận văn tốt nghiệp cao học luật của mình.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Kinh doanh du lịch là một lĩnh vực mới phát triển trong những năm gần đây. Đã có một số công trình nghiên cứu không chuyên pháp lý về lĩnh vực này, song chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống, chuyên biệt và đầy đủ về vấn đề này, trong khi thực tiễn đòi hỏi phải hoàn thiện chế định này một cách bức bách. Chính vì vậy, đây là đề tài đầu tiên nghiên cứu qui chế thương nhân trong lĩnh vực du lịch ở cấp độ luận văn thạc sĩ luật học.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận về quy chế pháp lý của thương nhân trong kinh doanh du lịch tại Việt Nam. Đánh giá thực tiễn cũng như

hiệu quả của các qui định pháp luật đối với lĩnh vực này, và nêu lên những kiến nghị có thể áp dụng trong việc hoàn thiện pháp luật về quy chế pháp lý của thương nhân trong kinh doanh du lịch.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn được hoàn thành dựa trên các nguyên tắc, phương pháp luận của triết học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng ta về nhà nước và pháp luật.

Các phương pháp nghiên cứu cụ thể được sử dụng bao gồm: Phân tích tổng hợp; thống kê; so sánh pháp luật và phân tích qui phạm mô hình hoá, điển hình hoá các quan hệ xã hội.

5. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về qui chế pháp lý của thương nhân trong kinh doanh du lịch.

Chương 2: Thực trạng qui chế pháp lý của thương nhân trong kinh doanh du lịch ở Việt Nam.

Chương 3: Một số định hướng và giải pháp hoàn thiện qui chế pháp lý của thương nhân trong kinh doanh du lịch tại Việt Nam.

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬN VĂN

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ QUI CHẾ PHÁP LÝ CỦA THƯƠNG NHÂN TRONG KINH DOANH DU LỊCH

1.1. Các đặc điểm của kinh doanh du lịch và sự cần thiết xây dựng qui chế pháp lý của thương nhân trong kinh doanh du lịch

1.1.1. Khái niệm kinh doanh du lịch

Pháp lệnh Du lịch định nghĩa "Du lịch là hoạt động của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm thỏa mãn nhu cầu tham quan, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định". Luật Du lịch 2005 quan niệm:

"Du lịch là các hoạt động ***có liên quan đến chuyển đi*** của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm ***đáp ứng*** nhu cầu tham quan, ***tìm hiểu***, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định".

Vậy: *Kinh doanh du lịch là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư, cung ứng dịch vụ du lịch. Đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình trong khoảng thời gian nhất định, nhằm mục đích sinh lợi.*

Kinh doanh du lịch là kinh doanh dịch vụ bao gồm các ngành nghề: Kinh doanh lữ hành; kinh doanh lưu trú du lịch; kinh doanh vận chuyển khách du lịch; kinh doanh phát triển khu du lịch, điểm du lịch; kinh doanh dịch vụ du lịch khác.

1.1.2. Đặc điểm của kinh doanh du lịch

- Du lịch, dịch vụ là ngành kinh tế có hiệu quả cao, tỷ lệ lợi nhuận trên vốn rất cao, thời gian thu hồi vốn nhanh, song đòi hỏi vốn đầu tư ban đầu lớn.

- Hoạt động kinh doanh du lịch, dịch vụ mang tính thời vụ, phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế, văn hoá, xã hội, điều kiện về tài nguyên du lịch nhân văn cũng như tính độc đáo, hấp dẫn của phong cảnh tự nhiên.

- Đối tượng phục vụ của ngành thường xuyên thay đổi và rất phức tạp nó phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như: thu nhập, thời gian rảnh rỗi, trình độ văn hoá, độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp...

- Kinh doanh du lịch, dịch vụ là ngành kinh tế tổng hợp gồm nhiều hoạt động khác nhau như. Các hoạt động này có quy trình công nghệ khác nhau.

- Sản phẩm của hoạt động kinh doanh du lịch phần lớn là những sản phẩm dịch vụ mang tính vô hình. Vì thế việc quản lý và đánh giá chất lượng sản phẩm phụ thuộc nhiều vào trạng thái tâm lý cũng như kì vọng của khách du lịch.

- Quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm du lịch, dịch vụ diễn ra đồng thời, trong cùng một địa điểm. Sản phẩm du lịch không thể tồn kho, cất giữ như các sản phẩm hàng hoá thông thường khác.

1.1.3. Sự cần thiết xây dựng quy chế pháp lý của thương nhân trong kinh doanh du lịch

- Thu hút được nhiều nhà đầu tư trong nước và quốc tế tham gia đầu tư và phát triển du lịch

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển được kinh tế đất nước
- Phát triển và bảo vệ được tài nguyên du lịch
- Cùng cổ và phát triển giao lưu quốc tế

1.2. Khái luận về thương nhân và qui chế pháp lý của thương nhân

1.2.1. Khái niệm và phân loại thương nhân

1.2.1.1. Khái niệm thương nhân

"Thương nhân bao gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh".

Hành vi thương mại thường luôn gắn liền với thương nhân. Thương nhân là người tiến hành các hành vi thương mại. Khi nói tới khái niệm thương nhân phải nói tới hành vi thương mại với tính cách là nghề nghiệp của thương nhân.

Như vậy, khái niệm hành vi thương mại và khái niệm thương nhân có mối quan hệ gắn bó không tách rời. Hành vi thương mại có tính chất khách quan, chúng ấn định nghề nghiệp của thương nhân. Khi đưa ra định nghĩa về hành vi thương mại người ta thường dựa vào hai tiêu chí cơ bản là chủ thể thực hiện hành vi và bản chất các hành vi đó.

Cách định nghĩa hành vi thương mại dựa vào tiêu chí chủ thể lấy người thương gia làm trung tâm của vấn đề.

Các hành vi thương mại cơ bản chia làm 3 loại: *Thứ nhất*, hành vi thương mại do bản chất; *Thứ hai*, hành vi thương mại do hình thức; *Thứ ba*, hành vi thương mại do phụ thuộc

Một chủ thể được coi là thương nhân phải có đủ các điều kiện sau: *Thứ nhất*: Các chủ thể phải tồn tại dưới dạng cá nhân, pháp nhân, tổ hợp tác, hộ gia đình. *Thứ hai*: Các chủ thể trên chỉ trở thành thương nhân nếu tiến hành các hoạt động được gọi là hoạt động thương mại. Các hoạt động thương mại theo luật thương mại Việt Nam được qui định tương đối đơn giản bao gồm 3 nhóm: Hoạt động thương mại mua bán hàng hoá; hoạt động thương mại dịch vụ gắn với mua bán hàng hoá; hoạt động thương mại dịch vụ tìm kiếm thúc đẩy cơ hội mua bán hàng hoá. *Thứ ba*: Các hoạt động thương mại phải được các chủ thể thực hiện một cách độc lập. *Thứ tư*: Các hoạt động thương mại phải được các chủ thể tiến hành một cách thường xuyên.

1.2.1.2. Phân loại thương nhân

Có thể chia thương nhân thành hai loại cơ bản là thương gia thể nhân và thương gia pháp nhân. *Thương gia thể nhân*: Thương gia thể nhân phải hội đủ những điều kiện sau: Thực hiện các hành vi thương mại một cách thường xuyên và lấy chúng làm nghề nghiệp của mình và tự mình thực hiện các hành vi thương mại dưới danh nghĩa của mình và tài khoản của mình. *Thương gia pháp nhân*: Về cơ bản thương nhân được chia thành thương gia thể nhân và thương gia pháp nhân. Một số quốc gia ngoài thương nhân là thể nhân và pháp nhân còn có thể có tổ hợp tác, hộ gia đình, hợp danh thực tế hay các dạng công ty hợp danh không có tư cách pháp nhân (phụ thuộc vào quan niệm pháp nhân của mỗi quốc gia) được coi là thương nhân.

Bản chất pháp lý của công ty: Qua một số khái niệm trên, ta có thể thấy về cơ bản công ty có 3 đặc điểm: Sự liên kết của nhiều chủ thể (cá nhân hoặc tổ chức); sự liên kết được thực hiện thông qua một số sự kiện pháp lý; nhằm thực hiện một mục đích chung.

Các hình thức công ty: Dưới góc độ pháp lý, người ta chia công ty thành hai cơ bản là các công ty đối nhân và các công ty đối vốn:

Công ty đối nhân: Là công ty mà liên kết dựa trên cơ sở độ tin cậy về nhân thân các cá nhân tham gia, sự hùn vốn là yếu tố thứ yếu. Công ty đối nhân có đặc điểm rất quan trọng là không có sự tách bạch tài sản cá nhân các thành viên công ty phải chịu trách nhiệm vô hạn về các khoản nợ của công ty. Các công ty đối nhân có hai loại chính là công ty hợp danh và công ty hợp vốn đơn giản

Công ty đối vốn Khác với công ty đối nhân, công ty đối vốn không quan tâm đến tư cách cá nhân các thành viên công ty mà chỉ quan tâm đến các phần vốn góp vào công ty. Công ty đối vốn có sự tách bạch tài sản của công ty và tài sản của các cá nhân thành viên. Các thành viên của công ty chỉ chịu trách nhiệm về mọi khoản nợ của công ty trong phần vốn góp phần vào công ty.

1.2.2. Những nội dung căn bản của qui chế thương nhân

1.2.2.1. Điều kiện vào nghề

* Đăng ký kinh doanh

Kinh doanh là quyền của công dân được pháp luật bảo vệ. Nhưng không phải mọi chủ thể trong xã hội đều có thể tự do kinh doanh mà bắt chấp các điều kiện. Để bảo vệ quyền lợi cho chính các chủ thể đó cũng như các chủ thể khác

trong xã hội, pháp luật của bất kỳ quốc gia nào cũng đặt ra các điều kiện đăng ký kinh doanh buộc các chủ thể kinh doanh phải tuân theo.

Điều kiện về ngành, nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh gồm:

- Ngành nghề cấm kinh doanh
- Ngành nghề kinh doanh có điều kiện
- Ngành nghề kinh doanh phải có vốn pháp định
- Ngành nghề kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề

Ngoài các nhóm trên, những ngành nghề còn lại thương nhân được tự do lựa chọn

1.2.2.2. Điều kiện hành nghề

Nghĩa vụ của thương nhân: Trong quá trình hoạt động của mình thương nhân phải thực hiện việc: Lập sổ kế toán ghi chép lưu giữ những hoá đơn, chứng từ, giấy tờ có liên quan đến hoạt động thương mại theo quy định của pháp luật. Việc huỷ sổ kế toán, hoá đơn, chứng từ, giấy tờ có liên quan đến hoạt động thương mại được thực hiện theo thủ tục pháp luật quy định.

Quyền của thương nhân: Thương nhân được đặt chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài; thương nhân được mở và sử dụng tài khoản tại ngân hàng; thương nhân có thể trực tiếp quản lý, điều hành hoặc thuê người quản lý, điều hành hoạt động thương mại. Người được thuê quản lý, điều hành phải chịu trách nhiệm theo hợp đồng đã ký với thương nhân.

Thương nhân được thuê, cho thuê, chuyển nhượng sản nghiệp thương mại; Thương nhân là doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh doanh được phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá theo ngành nghề đã đăng ký kinh doanh

Thương nhân đã đăng ký mã số doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, được uỷ thác xuất nhập khẩu hàng hoá; thương nhân kinh doanh cùng ngân hàng, không phân biệt thành phần kinh tế, được phép thành lập Hiệp hội ngân hàng xuất khẩu, nhập khẩu.

1.2.2.3. Điều kiện chấm dứt kinh doanh

* Tạm ngừng kinh doanh

* Các trường hợp giải thể doanh nghiệp

* Thủ tục và trình tự giải thể

1.3. Nội dung qui chế pháp lý của thương nhân trong kinh doanh du lịch

1.3.1. Khởi đầu kinh doanh du lịch

*** Đăng ký kinh doanh**

Pháp luật qui định mọi tổ chức, cá nhân muốn hoạt động kinh doanh đều phải đăng ký kinh doanh và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo qui định

*** Đăng ký kinh doanh lữ hành**

Kinh doanh lữ hành quốc tế: Đối với kinh doanh lữ hành quốc tế phải xin cấp giấy phép kinh doanh gồm: Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế; phương án kinh doanh lữ hành quốc tế; bản sao các giấy tờ quy định; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận ký quỹ của ngân hàng, tiền ký quỹ theo quy định của Chính phủ 250.000.000 đồng Việt Nam; Điều lệ doanh nghiệp (không áp dụng đối với doanh nghiệp tư nhân); người điều hành hoạt động kinh doanh lữ hành quốc tế phải có thời gian ít nhất bốn năm hoạt động trong lĩnh vực lữ hành; thẻ hướng dẫn viên và hợp đồng lao động dài hạn của hướng dẫn viên, có ít nhất ba hướng dẫn viên được cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế.

Kinh doanh lữ hành nội địa:

- Đăng ký kinh doanh theo qui định của pháp luật, ngoài ra có phương án kinh doanh lữ hành nội địa, có chương trình du lịch cho khách du lịch nội địa.

- Người điều hành hoạt động kinh doanh lữ hành nội địa phải có thời gian ít nhất ba năm hoạt động trong lĩnh vực lữ hành.

- Chứng chỉ hành nghề của Giám đốc và cá nhân đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề mà theo qui định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.

- Nộp tiền ký quỹ 50.000.000 đồng Việt Nam.

Doanh nghiệp kinh doanh lữ hành nội địa không được kinh doanh lữ hành quốc tế và không phải xin giấy phép kinh doanh.

*** Đăng ký kinh doanh lưu trú du lịch**

Kinh doanh lưu trú du lịch bao gồm: Khách sạn; làng du lịch; biệt thự du lịch; căn hộ du lịch; bãi cắm trại du lịch; nhà nghỉ du lịch; nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê; các cơ sở lưu trú du lịch khác.

** Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam*

Việc cấp giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt nam theo qui định của luật doanh nghiệp 2005.

*** Kinh doanh vận chuyển khách du lịch**

Mọi tổ chức, cá nhân kinh doanh vận chuyển khách du lịch phải đăng ký kinh doanh và tuân thủ các điều kiện về kinh doanh vận chuyển khách theo qui định của pháp luật.

*** Kinh doanh phát triển khu du lịch, điểm du lịch**

Mọi tổ chức, cá nhân kinh doanh phát triển khu du lịch, điểm du lịch phải phải xây dựng dự án phù hợp với qui hoạch phát triển du lịch trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Thời hạn cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gắn với dự án đầu tư cụ thể thực hiện theo qui định của pháp luật về đầu tư.

*** Kinh doanh các dịch vụ du lịch khác**

Mọi tổ chức, cá nhân kinh doanh các dịch vụ trong khu du lịch, điểm du lịch như kinh doanh lữ hành, kinh doanh lưu trú du lịch, vận chuyển khách du lịch có nghĩa vụ đăng ký kinh doanh theo pháp luật và được hưởng các quyền lợi và nghĩa vụ theo qui định với ngành nghề đã đăng ký kinh doanh.

1.3.2. Điều kiện kinh doanh du lịch

1.3.2.1. Đối với kinh doanh lữ hành

*** Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành nội địa**

- Chỉ được ký hợp đồng đại lý với đại lý lữ hành để bán chương trình du lịch cho khách du lịch, không được uỷ thác cho đại lý lữ hành tổ chức thực hiện chương trình du lịch đã bán.

- Doanh nghiệp kinh doanh lữ hành nội địa có quyền xây dựng, quảng cáo, bán và tổ chức thực hiện các chương trình du lịch cho khách du lịch nội địa.

- Có trách nhiệm mua bảo hiểm cho khách du lịch nội địa trong thời gian thực hiện chương trình du lịch khi khách có yêu cầu; có phương án, biện pháp nhằm đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản cho khách du lịch.

- Sử dụng hướng dẫn viên để hướng dẫn cho khách du lịch khi khách có nhu cầu và chịu trách nhiệm về hoạt động của hướng dẫn viên

- Có trách nhiệm quản lý khách theo chương trình du lịch đã bán cho khách, đảm bảo an ninh quốc gia, trật tự, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hoá, an toàn xã hội và thuần phong mỹ tục của dân tộc, có trách nhiệm thông tin rõ ràng, công khai số lượng, chất lượng giá cả, hàng hoá cung cấp cho khách hàng

** Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành quốc tế*

- Có giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế gồm:
+ Kinh doanh lữ hành đối với khách du lịch vào Việt nam
+ Kinh doanh du lịch đối với khách ra nước ngoài
+ Kinh doanh lữ hành đối với khách du lịch vào Việt nam và khách du lịch ra nước ngoài

Kinh doanh lữ hành đối với khách du lịch vào Việt Nam:

Hướng dẫn cho khách du lịch chấp hành tốt các qui định của nơi đến, tuân thủ pháp luật và các qui định của nhà nước Việt Nam về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hoá, thuần phong mỹ tục

Khác với kinh doanh lữ hành nội địa, kinh doanh lữ hành quốc tế yêu cầu sử dụng hướng dẫn viên để hướng dẫn cho khách du lịch là người nước ngoài.

Kinh doanh lữ hành đối với khách ra nước ngoài:

Doanh nghiệp phải mua bảo hiểm cho khách du lịch Việt Nam ra nước ngoài trong thời gian thực hiện chương trình du lịch.

Yêu cầu phải phổ biến, hướng dẫn cho khách du lịch chấp hành, tuân thủ pháp luật và các qui định của nước đến du lịch.

Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài kinh doanh lữ hành quốc tế:

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được phép kinh doanh lữ hành quốc tế theo giấy phép đầu tư do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp, ngoài các quyền và nghĩa vụ quy định trong luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Trong trường hợp liên doanh thì phải liên doanh với doanh nghiệp Việt Nam có giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế.

Điều kiện kinh doanh đại lý lữ hành

- Kinh doanh đại lý lữ hành là việc tổ chức, cá nhân nhận bán chương trình du lịch của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành cho khách du lịch để hưởng hoa

hồng. Tổ chức, cá nhân kinh doanh đại lý lữ hành không được tổ chức thực hiện chương trình du lịch.

- Có hợp đồng đại lý với doanh nghiệp kinh doanh lữ hành.

1.3.2.2. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh vận chuyển khách du lịch

- Có phương tiện chuyên vận chuyển khách du lịch đạt tiêu chuẩn về an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường, đảm bảo chất lượng dịch vụ và được cấp biển hiệu riêng theo quy định do Bộ Giao thông Vận tải ban hành sau khi thoả thuận với cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở Trung ương. Phương tiện vận chuyển khách du lịch có biển hiệu riêng được ưu tiên bố trí nơi dừng, đỗ để đón trả khách tại các bến xe, nhà ga, sân bay, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch...

- Vận chuyển khách du lịch theo đúng tuyến đã hợp đồng với công ty lữ hành hoặc theo hợp đồng với khách du lịch

- Gắn biển hiệu chuyên vận chuyển khách du lịch ở nơi dễ nhận biết trên phương tiện vận chuyển

1.3.2.3. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức cá nhân kinh doanh lưu trú du lịch

- Doanh nghiệp kinh doanh lưu trú có quyền thuê tổ chức, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài điều hành quản lý và làm việc tại cơ sở lưu trú du lịch.

- Ban hành các qui chế, nội qui của cơ sở lưu trú.

- Có quyền từ chối tiếp nhận hoặc huỷ bỏ hợp đồng lưu trú với khách du lịch trong trường hợp khách có những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nội qui.

- Doanh nghiệp kinh doanh lưu trú lựa chọn những loại hình dịch vụ, sản phẩm hàng hoá không trái với qui định của pháp luật. Nếu các cơ sở lưu trú, nhà hàng ăn uống có kinh doanh các dịch vụ: vũ trường, massage, karaoke v.v... thì phải tuân theo các quy định hiện hành về điều kiện kinh doanh và tổ chức hoạt động của các loại dịch vụ đó.

- Cơ sở lưu trú với được gắn biển hiệu, tiêu chuẩn loại, hạng đúng với loại, hạng đã được công nhận

1.3.2.4. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức cá nhân kinh doanh phát triển khu du lịch, điểm du lịch

Tổ chức tham gia các hoạt động xúc tiến du lịch. Tham gia các hiệp hội, các tổ chức nghề nghiệp về du lịch ở trong nước và nước ngoài. Có quyền xây dựng

các dự án phù hợp với qui hoạch phát triển du lịch trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Nâng cấp, bảo tồn các tài nguyên du lịch đã có, khai thác các tài nguyên du lịch tiềm năng, đầu tư phát triển khu du lịch, điểm du lịch mới. Trong quá trình kinh doanh phải quản lý, bảo vệ, giữ gìn cảnh quan thiên nhiên, các di tích lịch sử văn hoá, các công trình sáng tạo của con người, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường tự nhiên, môi trường xã hội nhân văn.

Kinh doanh xây dựng kết cấu hạ tầng du lịch, cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ du lịch.

Tổ chức cá nhân kinh doanh phát triển khu du lịch, điểm du lịch được hưởng các chế độ ưu đãi đầu tư. Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất có tài nguyên du lịch phù hợp với dự án, qui hoạch phát triển du lịch.

Được thu phí theo qui định của pháp luật về phí và lệ phí

1.3.2.5. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức cá nhân kinh doanh dịch vụ trong khu du lịch, điểm du lịch

Kinh doanh dịch vụ du lịch trong khu du lịch, điểm du lịch ngoài các dịch vụ lữ hành, lưu trú, ăn uống, vận chuyển khách du lịch còn có các dịch vụ khác như: dịch vụ mua sắm đồ lưu niệm, hàng hoá, dịch vụ về thể thao, vui chơi giải trí, thông tin và các dịch vụ khác.

1.3.2.6. Quyền và nghĩa vụ của chi nhánh, văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam

Các chi nhánh, văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam khi tham gia vào quá trình kinh doanh du lịch phải tuân theo các quy định của Luật Doanh nghiệp 2005.

1.3.3. Điều kiện chấm dứt kinh doanh du lịch

1.3.3.1. Đối với các doanh nghiệp trong nước

Trường hợp các doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh thì tuân thủ các quy định chung được qui định trong Luật Doanh nghiệp năm 2005, Luật Phá sản, Luật Thương mại hay Bộ luật Dân sự. Trong đó chủ yếu chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp 2005.

1.3.3.2. Đối với các doanh nghiệp nước ngoài

Các doanh nghiệp nước ngoài khi chấm dứt kinh doanh du lịch cũng phải tuân theo pháp luật Việt Nam.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUI CHẾ PHÁP LÝ CỦA THƯƠNG NHÂN TRONG KINH DOANH DU LỊCH Ở VIỆT NAM

2.1. Nguồn pháp luật điều tiết kinh doanh du lịch

Luật Du lịch gồm 11 chương và 88 điều, xây dựng các quy định về việc xác định tài nguyên du lịch, bảo vệ và tôn tạo tài nguyên du lịch, môi trường du lịch, quy hoạch du lịch, công nhận và quản lý khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch, tiêu chuẩn hoá các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch; tiêu chuẩn hoá cán bộ quản lý, nhân viên phục vụ, quy định về đảm bảo an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn, bảo hiểm du lịch.

Các quy định về kinh doanh lữ hành, lưu trú, vận chuyển, kinh doanh các dịch vụ du lịch mục đích nâng cao bảo đảm chất lượng dịch vụ. Bổ sung những điều khoản thể hiện rõ quan điểm của Nhà nước ta trong việc bảo vệ quyền lợi của khách du lịch như Điều 35 về "Quyền của khách du lịch", Điều 37 về "Bảo đảm an toàn cho khách du lịch", Điều 50, khoản 2 "Phải mua bảo hiểm du lịch cho khách du lịch Việt Nam ra nước ngoài", Điều 86 về "Giải quyết yêu cầu, kiến nghị của khách du lịch".

Sau hơn một năm Luật Du lịch có hiệu lực, để thực thi luật Chính phủ có qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật tại Nghị định 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 06 năm 2007; nghị định 149/2007/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch ngày 09 tháng 10 năm 2007 và Nghị định 185/2007/NĐ-CP qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Ngoài ra còn có các Quyết định số 121/2006/QĐ-TTg ngày 29/05/2006 về việc phê duyệt chương trình hành động quốc gia về du lịch; quyết định số 564/QĐ-BVHTTDL ngày 21/09/2007 ban hành chương trình hành động của ngành du lịch

2.2. Thực trạng các qui định pháp luật về vào nghề kinh doanh du lịch

*** Về đăng ký kinh doanh**

So với các nước phát triển thì thời gian thành lập một doanh nghiệp ở Việt Nam vẫn còn khá dài.

Việc đăng ký kinh doanh liên quan đến hoạt động quản lý của nhà nước của rất nhiều cơ quan trong lĩnh vực kinh tế, nhưng chưa có sự phối kết hợp giữa các cơ quan trong việc xem xét, giải quyết các yêu cầu của người dân.

Đối với việc đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực du lịch những bất cập cũng làm hạn chế quyền kinh doanh của các thương nhân.

Du lịch thế giới ngày càng phát triển và có nhiều thay đổi, các qui định của pháp luật tuy đã phát huy tác dụng rất tích cực đối với nền kinh tế song thực tế và nhu cầu phát triển du lịch đòi hỏi những quy định phù hợp hơn với tình hình đổi mới.

Tổng cục Du lịch là cơ quan trực thuộc Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, là bộ mới thành lập nên chưa thật ổn định và chưa ra được các văn bản để hướng dẫn thực hiện các văn bản luật còn đang vướng mắc.

Trong khi chờ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định 92/2007. TCDL đã có Công văn 324/TCDL-LH thông báo tạm dừng cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế. Sau nhiều tháng, Tổng cục Du lịch lại ký văn bản 345/TCDL-LH thông báo tiếp tục cấp phép trở lại cho doanh nghiệp đủ điều kiện. Việc tạm dừng này đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc kinh doanh của các doanh nghiệp đã gửi hồ sơ hoặc đã hoàn thành các thủ tục thẩm định xin cấp phép.

Cũng từ đầu năm 2006 đến nay, ngành du lịch đã ngừng cấp mới, gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. Theo Nghị định 92/2007 (có hiệu lực từ tháng 7-2007) thì việc cấp giấy phép này đã phân cấp cho sở quản lý du lịch địa phương, nhưng các sở du lịch đều chưa có thông tư hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định cụ thể các mẫu chuẩn trong việc cấp phép, lệ phí cấp phép. Điều này gây khó khăn cho nhiều nhà đầu tư nước ngoài muốn lập Văn phòng đại diện.

** Về giấy phép kinh doanh*

Nhiều cơ quan có thẩm quyền đã quá lạm dụng giấy phép như một công cụ quản lý hành chính. Những cơ quan có thẩm quyền trong việc cấp giấy phép đăng ký kinh doanh vẫn còn tư tưởng "xin - cho" gây nhiều phiền hà cho các thương nhân và đôi khi đánh mất cơ hội kinh doanh của các thương nhân.

Những ngành nghề kinh doanh trong danh mục còn qui định quá chung chung, thiếu chi tiết. Chưa xác định rõ ngành nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh ngành nghề đó.

Tình trạng thiếu văn bản hướng dẫn thi hành đã khiến cho cơ quan có thẩm quyền đăng ký kinh doanh không thể thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm của mình theo luật định, điều đó cũng có nghĩa là quyền lợi của các thương nhân cũng không được đảm bảo một cách tốt nhất.

Du lịch Việt Nam hiện rất cần thu hút vốn, công nghệ của nước ngoài vào các lĩnh vực tư vấn quản lý và đầu tư du lịch, lữ hành quốc tế, khách sạn... Tuy nhiên, nhiều nhà đầu tư nước ngoài muốn lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam vẫn phải chờ đợi. Một số Văn phòng đại diện được cấp phép trước năm 2006, nay hết hạn vẫn hoạt động vì không có cơ quan nào gia hạn giấy phép hoạt động.

** Về thẩm quyền đăng ký kinh doanh*

Đăng ký kinh doanh là nhiệm vụ của cơ quan nhà nước, nhưng hiện nay nhiều cơ quan vẫn cố tình gây sách nhiễu, phiền hà khi tiếp nhận hồ sơ và giải quyết việc đăng ký kinh doanh, đôi khi cố tình làm trái với qui định, như yêu cầu người đăng ký kinh doanh phải nộp thêm các xác nhận về nhân thân, về địa điểm kinh doanh, về hợp đồng thuê mặt bằng kinh doanh... Thậm chí các cơ quan đăng ký kinh doanh còn tự ý từ chối cấp đăng ký kinh doanh đối với những ngành nghề không thuộc danh mục ngành nghề cấm kinh doanh và thời hạn cấp đăng ký thường vẫn kéo dài hơn so với qui định.

Tình trạng của các cơ quan đăng ký kinh doanh ở nước ta hiện nay còn thiếu về nhân lực, yếu kém về chuyên môn và chưa được trang bị những phương tiện kỹ thuật hiện đại để có thể đáp ứng được nhu cầu đăng ký kinh doanh.

2.3. Thực trạng các qui định pháp luật về kinh doanh du lịch

Du lịch thuộc lĩnh vực của khối ngành dịch vụ mà sản phẩm có những đặc thù riêng. Trước đây những ngành nghề thuộc lĩnh vực dịch vụ đều là những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, phải tuân thủ những qui định chặt chẽ về điều kiện kinh doanh. Thực hiện chủ trương cải cách hành chính của nhà nước, ngành du lịch đã bãi bỏ giấy phép không cần thiết như: giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn khách sạn, giấy phép kinh doanh lữ hành nội địa, giấy phép vận chuyển khách du lịch. Hiện nay chỉ còn lại giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế.

Qui chế pháp lý trong kinh doanh du lịch không cho phép doanh nghiệp lữ hành nước ngoài đặt chi nhánh hoặc thành lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài. Thành lập doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải có vốn pháp định một triệu USD trở lên, tỷ lệ góp vốn của phía Việt Nam phải từ 51% trở lên nhưng chỉ được kinh doanh khách quốc tế. Trong lĩnh vực du lịch xảy ra khá phổ biến hiện tượng các doanh nghiệp Việt Nam cho nước ngoài "núp bóng". Điều này cho thấy sự yếu kém của các doanh nghiệp trong nước, gây thiệt hại cho nhà nước do việc mất thu thuế mà còn cho thấy những qui định thiếu chặt chẽ trong lĩnh vực này đặc biệt trong công tác kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương còn chưa có hiệu quả, chưa đủ mạnh.

Trên thực tế, có quá nhiều doanh nghiệp kinh doanh lữ hành cố vi phạm luật. Có nhiều đơn vị du lịch chưa có giấy phép kinh doanh lữ hành vẫn tổ chức chương trình cho khách.

Một số qui định đặt ra của ngành du lịch như lĩnh vực lữ hành chưa phù hợp với luật đầu tư và các cam kết quốc tế. Các văn bản pháp qui liên quan đến đầu tư vào các khu du lịch vẫn chưa thật sự hấp dẫn các nhà đầu tư. Ban hành các văn bản hướng dẫn còn thiếu đồng bộ, thống nhất về đầu tư và kinh doanh, các văn bản liên quan đến pháp luật về quyền sử dụng đất về huy động vốn, pháp luật về lao động, pháp luật về thuế đặc biệt là cách tính thuế và thu thuế. Cụ thể Nghị định 108/NĐ-CP ngày 22/09/2006 qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật đầu tư, song trên thực tế những chính sách ưu đãi chưa đi vào cuộc sống do chưa có văn bản hướng dẫn thi hành.

Đến nay ngành du lịch vẫn chưa được vay tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước theo Nghị định 151/NĐ-CP ngày 20/12/2006 (thay thế Nghị định 106/NĐ-CP ngày 01/04/2006). Việc thực hiện cơ chế đầu thầu chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quyết định 22/2003/QĐ-BTC ngày 18/02/2003 để tạo nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch vẫn chưa được triển khai mạnh tại các địa phương do vướng Luật Đất đai năm 2005 và các nghị định hướng dẫn thi hành luật đất đai. Đối với tiền thuê sử dụng đất ở các khu du lịch vẫn tính cả khu vực cây xanh, cảnh quan. Trong khi đối với các khu du lịch lớn, đặc biệt là khu du lịch sinh thái thì diện tích cây xanh, cảnh quan, mặt nước chiếm từ 70-90 % diện tích cả khu du lịch. Việc áp giá điện, nước đối với các khu du lịch vẫn cao

hơn các ngành sản xuất khác hạn chế thu hút các nhà đầu tư vào các khu du lịch lớn. Đối với các dự án mà việc bồi thường và giải phóng mặt bằng thuộc trách nhiệm của các nhà đầu tư thì việc giá đất theo qui định khá chênh lệch so với giá thị trường dẫn đến khó khăn trong việc giải phóng mặt bằng

Việc cấp biển hiệu vẫn chưa thể thực hiện do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cùng Bộ Giao thông Vận tải chưa ban hành được tiêu chuẩn công nhận: thể nào là xe du lịch, cơ quan quản lý du lịch nào có thẩm quyền xác nhận xe đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch để doanh nghiệp có thể hoàn chỉnh hồ sơ xin cấp phù hiệu, biển hiệu.

Về đầu tư trong lĩnh vực vận chuyển khách du lịch, hiện nay thuế nhập khẩu các phương tiện vận chuyển khách du lịch quá cao, các doanh nghiệp vận chuyển khách du lịch trong nước phải nhập khẩu xe đã qua sử dụng, nên chất lượng dịch vụ không đảm bảo.

Tính đến nay, Chính phủ mới ban hành được Nghị định 92/2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật (ban hành ngày 1-6-2007) và Nghị định 149/2007 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch (ban hành ngày 9-10-2007). Nhưng nhiều quy định trong Nghị định 92/2007 không thể phát huy hiệu lực, do chưa có thông tư hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

** Tăng cường công tác "hậu kiểm" sau đăng ký kinh doanh*

- Công tác quản lý nhà nước đối với thương nhân sau khi đăng ký kinh doanh còn bị buông lỏng. Do đó, tình trạng chôn thuế, kinh doanh trái phép, kinh doanh không đúng với nội dung đăng ký xảy ra khá phổ biến, việc tăng cường công tác "hậu kiểm" là một yêu cầu cấp thiết.

2.4. Thực trạng các qui định pháp luật về chấm dứt kinh doanh du lịch

Chấm dứt hoạt động kinh doanh, các doanh nghiệp tuân thủ các quy định chung được qui định trong Luật Doanh nghiệp năm 2005, Luật phá sản, Luật thương mại hay Bộ luật Dân sự. Trong đó chủ yếu chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp 2005.

2.5. Nguyên nhân những khiếm khuyết của qui chế pháp lý đối với thương nhân trong kinh doanh du lịch tại Việt Nam

Chưa có môi trường pháp lý bình đẳng cho các doanh nghiệp cùng tham gia hoạt động kinh doanh du lịch. Qui chế pháp lý đối với thương nhân trong

kinh doanh du lịch ở Việt Nam mang tính chỉ đạo chiến lược hơn là mạng tính pháp qui.

Luật ban hành còn chung chung chưa được cụ thể vì vậy cần chi tiết hơn như các văn bản dưới luật, nghị định, thông tư để hướng dẫn cụ thể giúp việc áp dụng được dễ dàng.

Những vướng mắc về cơ chế chính sách trong thu hút đầu tư các khu du lịch là một trong những nguyên nhân khiến du lịch Việt Nam chưa có những khu du lịch cao cấp, đủ sức cạnh tranh trong khu vực và thế giới.

Việc triển khai Luật Du lịch đến các doanh nghiệp và các hộ kinh doanh, nhiều địa phương còn gặp nhiều khó khăn.

Về thống kê du lịch, việc thống kê về lượng khách và thu nhập xã hội từ du lịch chưa được thống nhất. Thông thường các sở căn cứ vào báo cáo số liệu của các doanh nghiệp lữ hành, cơ sở lưu trú... trên địa bàn tổng hợp lại nên dễ bị chồng chéo, số liệu không chính xác.

Công tác chỉ đạo triển khai trong việc thực hiện các tiêu chuẩn, qui định đã được ban hành còn chưa đồng đều, chặt chẽ chưa cụ thể mà mới hướng dẫn một cách chung chung như: kinh doanh lưu trú cần cụ thể về tính ràng buộc phân hạng và kiểm soát hạng sao, tiêu chuẩn xếp hạng theo thực tế và duy trì hạng sao đó công tác phối hợp giữa những cơ quan, tổ chức ở cấp trung ương và địa phương chưa tốt hoặc hoạt động thanh tra, kiểm tra chưa có hiệu quả. Việc ban hành một số hướng dẫn thi hành luật còn chậm. Đây là nguyên nhân chủ quan làm giảm hiệu lực khiến cho một số qui định khó thực hiện được trên thực tế.

Qui định hướng dẫn viên cho khách nội địa cũng phải có thể hành nghề, nhưng mẫu thẻ và các điều kiện để được cấp thẻ do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định đến nay vẫn chưa có.

Đặc biệt, trong khi xu hướng phát triển du lịch là miễn thị thực thì Việt Nam vẫn duy trì cơ chế thị thực với rất nhiều thị trường du lịch.

Sau khi chính phủ có quyết định bỏ giấy phép đủ điều kiện kinh doanh khách sạn và chế độ hậu kiểm của cơ quan quản lý nhà nước về du lịch dẫn đến tình trạng ngành du lịch không quản lý được số lượng và chất lượng hệ thống cơ sở lưu trú, việc quản lý chất lượng hệ thống cơ sở lưu trú, đặc biệt là của tư nhân

qui mô nhỏ không đảm bảo theo đúng qui định của ngành du lịch. Việc quản lý chất lượng hoạt động của các cơ sở lưu trú chưa được xác định rõ. Chưa có những biện pháp hữu hiệu để xử lý những trường hợp khách sạn phục vụ kém chất lượng hoặc vi phạm về chất lượng phục vụ.

Việc quản lý giá tại các cơ sở lưu trú chưa phù hợp nên việc quản lý giá chưa đạt kết quả.

Việc cấp đất và đầu tư xây dựng cơ sở lưu trú du lịch còn tràn lan, đã làm cho chất lượng dịch vụ của cơ sở lưu trú bị xuống cấp, cảnh quan môi trường bị phá vỡ, ô nhiễm gây tình trạng thừa cơ sở lưu trú chất lượng thấp nhưng lại thiếu cơ sở lưu trú chất lượng cao.

Một số chính sách về thuế nhập khẩu còn chưa bình đẳng giữa doanh nghiệp Việt nam và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Còn có sự phân biệt giữa các thành phần kinh tế về chế độ thu thuế và vận dụng các chính sách thuế.

Chương 3

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUI CHẾ PHÁP LÝ CỦA THƯƠNG NHÂN TRONG KINH DOANH DU LỊCH TẠI VIỆT NAM

3.1. Cơ sở để hình thành các định hướng

Hoàn thiện qui chế pháp lý trong kinh doanh du lịch nhằm tạo ra những bước đột phá trong phát triển du lịch, dùng du lịch như một công cụ để kích thích đầu tư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, góp phần xóa đói, giảm nghèo ở những vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế và mọi người dân tham gia hoạt động du lịch và được hưởng những lợi ích hợp pháp từ các hoạt động đó luôn được giữ vững.

Hoàn thiện qui chế pháp lý của thương nhân trong kinh doanh du lịch giúp các chủ thể yên tâm kinh doanh, đầu tư, phát triển tiến tới đạt được các dịch vụ du lịch theo tiêu chuẩn quốc tế

Đảm bảo xây dựng và phát triển văn hoá thể thao và du lịch mang đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc, đồng thời tiếp thu có chọn lọc những thành tựu văn

minh, tiên tiến của thế giới. Tăng cường hội nhập kinh tế và mở rộng hợp tác, giao lưu quốc tế, chủ động đẩy mạnh công tác thông tin đối ngoại, quảng bá văn hoá, xúc tiến du lịch trong quá trình hội nhập toàn diện vào nền kinh tế toàn cầu. Trước tác động mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong hội nhập kinh tế quốc tế, đáp ứng nhu cầu giải trí, hưởng thụ văn hoá của nhân loại, nâng cao thể chất, tinh thần, đời sống ngày càng cao của xã hội.

Phát triển du lịch nhằm bảo tồn và nâng cao giá trị và bản sắc văn hoá dân tộc, xây dựng nền tảng tinh thần tiến bộ và lành mạnh luôn gắn kết với việc bảo vệ các giá trị văn hoá với việc khai thác và phát huy giá trị văn hoá. Tạo tính mới mẻ, độc đáo, hấp dẫn, thu hút ngày càng nhiều khách du lịch trong nước và quốc tế đến Việt Nam.

Tạo niềm tin và sức hút mới đối với các nhà đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực du lịch, nhất là các nhà đầu tư chiến lược, các công ty xuyên quốc gia hàng đầu thế giới có tiềm lực tài chính lớn, tăng vốn đầu tư trực tiếp và ODA. Ngoài những mục tiêu chính như tạo ra một khuôn khổ pháp luật nhằm thúc đẩy và củng cố sự phát triển của du lịch, tạo điều kiện thuận lợi cho sự hình thành tiêu chuẩn nghề, Luật Du lịch còn phải khuyến khích được các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực này, nhất là khu vực kinh tế tư nhân.

3.2. Một số định hướng hoàn thiện qui chế pháp lý của thương nhân trong kinh doanh du lịch

Khuyến khích phát triển du lịch như một ngành kinh tế mũi nhọn

Để lĩnh vực du lịch đạt được những mục tiêu và hiệu quả như mong muốn cần thực hiện những công việc sau:

Tiến hành rà soát hệ thống văn bản pháp luật về du lịch hiện hành, loại bỏ những qui định chồng chéo, không phù hợp với các cam kết; soạn thảo các văn bản qui phạm pháp luật cụ thể, phù hợp các cam kết, đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động du lịch. Công bố công khai, minh bạch mọi chính sách, cơ chế quản lý, đơn giản hoá các thủ tục liên quan đến khách du lịch và kinh doanh du lịch để mọi tổ chức, cá nhân thực hiện và giám sát việc thực hiện.

Tiếp tục hoàn thiện dự thảo các văn bản qui phạm hướng dẫn thi hành luật du lịch một cách thống nhất, cụ thể, rõ ràng, minh bạch và phù hợp với pháp luật

trong nước và thông lệ quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Tăng cường phối hợp liên ngành, liên vùng dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của Chính phủ thông qua kiện toàn và phát huy vai trò của ban chỉ đạo nhà nước về du lịch, ban chỉ đạo phát triển du lịch các địa phương để điều phối tốt hơn nữa các hoạt động du lịch.

Tăng cường các biện pháp cải cách thủ tục hành chính trong cấp Giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế, Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của các doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam, thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên.

Xây dựng và hoàn thiện các dự thảo qui định về khách du lịch đi ô tô vào Việt Nam bằng đường bộ, dự thảo qui chế quản lý khu du lịch, đề án phát triển du lịch biển đảo. Triển khai các giải pháp nhằm tăng cường thu hút khách du lịch quốc tế vào Việt Nam.

Điều chỉnh qui hoạch phát triển du lịch quốc gia, qui hoạch chi tiết phát triển du lịch các khu vực có tiềm năng. Việc cấp giấy phép xây dựng cần tuân theo qui hoạch phát triển du lịch.

Đối với những địa phương có điều kiện hạ tầng kém, địa bàn khó khăn cần có cơ chế ưu đãi đầu tư để thu hút các dự án vào lĩnh vực du lịch. Hỗ trợ các địa phương trong công tác đầu tư, xây dựng và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch. Tổ chức các chương trình khảo sát lữ hành, tổ chức các khoá đào tạo du lịch.

Triển khai kế hoạch cấp và đổi thẻ cho hướng dẫn viên du lịch quốc tế và nội địa theo qui định của luật du lịch và Nghị định hướng dẫn thi hành. Mở rộng phạm vi đào tạo cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch cho các cơ sở đào tạo và thống nhất về văn bản đề áp dụng và thực hiện.

Xây dựng văn hoá du lịch

Nâng cao chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm văn hoá và dịch vụ văn hoá du lịch trước tác động mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường. Xây dựng đề án nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong lĩnh vực du lịch, đề xuất các chính sách vĩ mô nhằm khai thác tối đa tiềm năng về di sản văn hoá, về sinh thái và phát huy lợi thế xã hội ổn định, hoà bình của nước ta.

Nghiên cứu lập đề án phát triển các khu nghỉ dưỡng tổng hợp cao cấp ở khu vực biển và vùng núi có khí hậu ôn hoà.

Gắn giáo dục và đào tạo du lịch với hệ thống giáo dục quốc gia. Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, bảo vệ, tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch. Tổng cục Du lịch nên triển khai những lớp tập huấn về luật du lịch cho đại diện các doanh nghiệp và cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực du lịch tìm hiểu và thực hiện tốt Luật Du lịch. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành và quản lý phục vụ cho cải cách hành chính.

Bảo vệ và phát triển tài nguyên du lịch

Xây dựng cơ chế cụ thể bảo vệ cảnh quan môi trường cho các khu, tuyến, điểm du lịch. Xây dựng các đề án bảo tồn, khai thác và quản lý các khu du lịch và các khu di sản văn hoá.

Thiết lập cơ chế thuận lợi xây dựng và phát triển ngành công nghiệp văn hoá, bảo vệ và phát triển sự đa dạng của văn hoá cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Bảo vệ và phát huy giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể, nâng cao giá trị và bản sắc văn hoá dân tộc, xây dựng một nền tảng tinh thần tiến bộ và lành mạnh, luôn gắn kết với việc bảo vệ các giá trị văn hoá với việc khai thác các thể mạnh đan xen của văn hoá dân tộc với phát triển du lịch để làm phong phú các hoạt động du lịch, tạo tính mới mẻ, độc đáo, hấp dẫn, thu hút ngày càng nhiều khách du lịch. Tăng cường giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng dân cư và khách du lịch, giữ gìn sinh thái, bảo vệ đa dạng sinh học.

Tư nhân hoá du lịch

Tổng cục du lịch đề xuất về giải pháp chính sách ưu tiên, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước phát triển các khu du lịch.

Nên xây dựng những chính sách ưu đãi thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch theo vùng hay theo khu vực. Tăng cường đầu tư để chuẩn hóa và nâng cấp chất lượng trong các dịch vụ du lịch.

KẾT LUẬN

Kinh doanh du lịch được đánh giá là một ngành kinh tế mũi nhọn, một ngành công nghiệp không khói. Để tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động kinh doanh

của các thương nhân, Nhà nước ta đã ban hành rất nhiều các quy định pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh này. Luật Du lịch ra đời là hành lang pháp lý quan trọng cho việc hoạt động kinh doanh du lịch của thương nhân, tạo môi trường bình đẳng để các thương nhân yên tâm thực hiện các hoạt động thương mại của mình, cũng như thu hút thương nhân trong nước và quốc tế đầu tư vào kinh doanh du lịch.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, đã bộc lộ nhiều bất cập và hạn chế như: Pháp luật còn thiếu đồng bộ, các thông tư hướng dẫn thi hành còn chậm, chưa đầy đủ. Vì vậy, việc triển khai thực hiện pháp luật trên thực tế còn chậm và kém hiệu quả;

Nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật trong kinh doanh du lịch, luận văn "*Quy chế pháp lý của thương nhân trong kinh doanh du lịch*" nêu lên những bất cập, thiếu sót trong việc ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện pháp luật trong các hoạt động kinh doanh du lịch; nêu lên thực trạng về pháp luật điều tiết kinh doanh du lịch, thực trạng các qui định pháp luật về vào nghề kinh doanh du lịch, thực trạng các qui định pháp luật về kinh doanh du lịch thực trạng các qui định về chấm dứt kinh doanh du lịch và nguyên nhân những khiếm khuyết của qui chế pháp lý của thương nhân. Từ đó đưa ra những kiến nghị để hoàn thiện pháp luật về quy chế pháp lý của thương nhân trong lĩnh vực kinh doanh du lịch và đưa ra một số giải pháp, định hướng để hoàn thiện.

Để hoàn thiện quy chế pháp lý của thương nhân trong kinh doanh du lịch, trước hết các cơ quan cần thống nhất những vấn đề cơ bản trong việc xây dựng hệ thống pháp luật, phối hợp với các bộ ngành liên quan để xây dựng hệ thống pháp luật về du lịch đồng bộ, đổi mới công tác quản lý nhà nước và cải cách hành chính, kiện toàn cơ cấu tổ chức tăng cường đào tạo nhân lực, bồi dưỡng và nâng cao hiệu lực hiệu quả công tác quy hoạch kế hoạch phát triển các dự án; tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế và xử lý các vi phạm; tăng cường phổ biến tuyên truyền giáo dục pháp luật du lịch đặc biệt ở các địa bàn, vùng du lịch trọng điểm.

Cần sớm triển khai ban hành các thông tư hướng dẫn thực hiện pháp luật du lịch giúp cho các chủ thể trong kinh doanh du lịch thực hiện dễ dàng và thuận lợi.